

# **SINH VIÊN NGHĨ GÌ VỀ MÔN HỌC TIẾNG ANH GIAO TIẾP THƯƠNG MẠI?**

**ThS. Bùi Thị Xuân Hồng**

## **LÝ DO THỰC HIỆN KHẢO SÁT**

Trong những năm gần đây, kể từ năm 2007, sinh viên Đại học Kinh Tế nhận được nhiều sự quan tâm rất nhiều từ phía Ban Giám Hiệu của Trường. Sự quan tâm ấy được thể hiện qua một loạt các chủ trương thay đổi chiến lược dạy và học Anh Văn của giáo viên và sinh viên nhằm mục đích khi tốt nghiệp, sinh viên phải đạt một trình độ nhất định về Anh Văn để các em có thể dễ dàng đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các công ty và doanh nghiệp. Để thực hiện tốt chủ trương này, Ban ngoại ngữ cùng toàn thể giáo viên Anh Văn đã làm việc hết sức tích cực. Nhiều giáo trình đã được cân nhắc để đưa vào giảng dạy và cuối cùng chúng ta đã chọn giáo trình Market Leader. Chúng ta cũng nỗ lực rất nhiều trong việc chọn phương pháp giảng dạy thích hợp. Chắc hẳn là chúng ta rất muốn biết ý kiến của sinh viên về vấn đề này. Mục đích của tôi trong bài viết này là tìm hiểu xem khóa học Anh văn giai đoạn một có lợi gì cho sinh viên, ý kiến của họ về giáo trình, thiết bị giảng dạy và phương pháp giảng dạy. Những điều các em chưa hài lòng và những đề nghị của các em sẽ rất có ích cho chúng ta trong việc giảng dạy.

## **TỔNG QUAN LÝ THUYẾT**

Theo Hutchinson và Waters (1986), việc đánh giá khóa học giúp chúng ta xác định xem chúng ta có đạt được mục tiêu của khóa học hay không. Thông tin thu thập được rất cần thiết để sửa đổi, và còn giúp chúng ta thiết kế các khóa học tương tự. Chúng ta có thể đánh giá bất kỳ khía cạnh nào của khóa học. Về mặt lý thuyết, có thể sử dụng các kỹ thuật sau đây: kết quả thi, bảng câu hỏi, thảo luận, phỏng vấn và những phương tiện không chính thức (chẳng hạn như những nhận xét không yêu cầu (unsolicited comments), những lời bàn tán (casual chats), ...). Những người tham gia đánh giá khóa học có thể là trường học, giáo viên, và người tài trợ cho khóa học. Người học cũng có thể tham gia vào quá trình đánh giá vì họ là người sử dụng giáo trình. Họ có thể biết giáo trình có phù hợp với họ không.

Việc đánh giá khóa học có thể thực hiện lúc đầu khóa, trong suốt khóa học và cuối khóa trên quy mô lớn hoặc quy mô nhỏ. Vì việc đánh giá khóa học này diễn ra vào cuối khóa học, nên đây là summative evaluation. Theo Bholá (1990) summative evaluation là cách đánh giá về giá trị (worth) của chương trình học vào thời điểm cuối chương trình. Mục đích của loại đánh giá này là phát hiện xem mục tiêu giảng dạy và kế hoạch giảng dạy ban đầu đạt đến mức độ nào. Mục tiêu khác nữa là giúp bạn quyết định xem hoạt động giảng dạy hoặc bất kỳ phần nào của khóa học cần phải sửa đổi, tiếp tục hay chấm dứt. “Loại đánh giá này rất hữu ích cho giáo viên và cho những người giám sát (supervisors). Nó cung cấp thông tin tổng quát về ấn tượng của người học về toàn bộ khóa học, việc học của họ và việc giảng dạy của bạn. Những phản hồi bạn thu được từ bảng câu hỏi có thể hữu ích cho bạn để chuẩn bị cho khóa học tiếp theo

( <http://learningandteaching.dal.ca/taguide/SummativeEval.html>)

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN KHẢO SÁT**

Đối tượng mà tôi nghiên cứu là 170 sinh viên K32, sinh viên K33 đã học xong học phần một và hai, và sinh viên ở ba lớp K34 đã học xong học phần một. Một bảng câu hỏi gồm 9 câu hỏi đã được cung cấp để sinh viên điền vào. Thời điểm thực hiện là cuối học kỳ, khi khóa học sắp kết thúc. Tôi cũng tiến hành phỏng vấn một số sinh viên trong lúc họ thi vấn đáp và vào ngày học cuối cùng của học kỳ.

## **KẾT QUẢ VÀ PHÂN TÍCH**

Với câu hỏi thứ nhất (A): **Ba điều gì có ích nhất từ khóa học mà em thu nhận được?** 57 % em công nhận là khóa học này cung cấp cho các em một lượng từ vựng thương mại rất lớn trong nhiều ngữ cảnh trong kinh doanh khác nhau. Điều này sẽ rất có ích cho các em trong nghề nghiệp tương lai. Từ vựng các em được tiếp cận bằng nhiều cách. Các em có thể nghiên cứu từ điển nhỏ sau mỗi bài học do giáo viên của Ban ngoại ngữ soạn. Một cách khác là cả lớp chia làm sáu nhóm, mỗi nhóm soạn từ vựng cho một bài ở cả ba cuốn Course Book, Practice File và Practice Book. Mỗi nhóm phân công mỗi em soạn từ vựng ở một số trang nhất định. Như vậy, cuối học kỳ mỗi lớp đều có một cuốn từ điển riêng do mình soạn ra. Sinh viên K34 còn được học từ mới bằng hình ảnh và màu sắc rất sinh động ở trên lớp. Đặc biệt là giáo

viên còn thiết kế trò chơi từ vựng thông qua những hình ảnh ấy. Tất nhiên, phần thưởng cho người thắng cuộc cũng là phần mang lại không khí sôi nổi vui tươi cho lớp học.

Điều thứ hai là 55% em khẳng định khả năng nghe đã tốt hơn. Trên lớp các em được nghe theo chương trình Ban ngoại ngữ đã chọn. Các em được tiếp xúc với nhiều tình huống kinh doanh khác nhau trong giáo trình Market Leader. Một cách khác nữa là các em được làm quen với các bài thi TOEIC. Điều này giúp các em không bị ngỡ ngàng với cuộc thi TOEIC mà trước khi tốt nghiệp các em phải vượt qua.

Kỹ năng nói là điều có ích nhất nữa mà khóa học mang lại cho các em (52%). Ở lớp các em được khuyến khích nói bằng chính sách: em nào phát biểu nhiều trong suốt mỗi buổi học thì cuối buổi học cô giáo ghi nhận vào sổ. Mỗi em tham gia thi nói hai lần. Một lần lên tóm tắt lại một bài đọc mà các em đã học. Mỗi đợt 8-10 em bốc thăm trong hai bài đọc. Trên lớp các em đã thực tập tóm tắt có giáo viên hướng dẫn. Sau đó các em trả lời câu hỏi của cô giáo (đối với lớp yếu). Sinh viên ở lớp khá hơn, thì trả lời câu hỏi của các bạn trong lớp. Việc gọi bất kỳ sinh viên lên kiểm tra khiến nhiều em phải chuẩn bị nhiều lần mới đến lượt mình. Đây cũng là cách để các em rèn luyện kỹ năng nói, nhất là nói trước đám đông. Trong một số phiếu trả lời, một số em thú nhận rằng, việc thi nói trước đám đông làm em tự tin hơn, và không còn cảm giác sợ nữa. Lần thứ hai là các em tham gia kiểm tra hội thoại. Nội dung lấy từ các tình huống đã học (bốc thăm theo chủ đề).

Câu hỏi thứ hai (B): **Ba điều gì chưa có ích của khóa học?** Câu trả lời không có độ tập trung cao, bị tản mát sang nhiều vấn đề khác. Các em than phiền về phần ngữ pháp (21% em). Đúng vậy, ngữ pháp được học trên lớp rất ít. Đây cũng là chủ trương của Ban ngoại ngữ không đưa ngữ pháp nhiều vào chương trình vì muốn dành thời gian cho các em luyện kỹ năng nghe và nói, hai kỹ năng rất quan trọng với các em trong tương lai khi làm việc với đối tác nước ngoài. Trong trường phổ thông trung học các em được học sơ sài. Điều thứ hai là các em cho rằng các em được nghe chưa nhiều (11% em). Có lẽ nhu cầu về thời gian nghe khá cao đối với những sinh viên này. Có thể giải quyết vấn đề này là tăng thời gian nghe ở nhà trong khi thời gian trên lớp ngày càng hạn chế. 9% em đề cập tới bài tập về nhà. Gần cuối học kỳ là thời điểm cô giáo hẹn kiểm tra việc làm bài tập về nhà. Số bài tập bắt buộc được thông báo từ đầu học kỳ. Nên hầu hết các em đã làm. Nhưng vấn đề là ở chỗ, cô giáo chỉ

kiểm tra được về mặt hình thức là số lượng thôi. Còn các em có làm thực sự hay không thì nằm ngoài sự kiểm soát của giáo viên. Giải pháp cho vấn đề này có thể là hướng dẫn các em tinh thần tự học là quan trọng.

Câu hỏi thứ ba (C): **Ba điều mà em muốn học kỹ hơn nữa?** Câu trả lời là nghe (59%), nói (48%) và ngữ pháp (29%) . Nhu cầu về nghe và nói cao thì dễ hiểu. Còn nhu cầu về ngữ pháp thì cũng quan trọng đối với các em. Vì để nói và viết các em phải nắm vững cấu trúc câu. Mỗi một câu khi các em nói ra, mỗi câu các em viết và mỗi câu các em nghe đều dựa trên một cấu trúc câu nhất định. Có thể đây là ý kiến của các em chưa được học nhiều Tiếng Anh ở trường phổ thông.

Câu hỏi thứ tư (D): **Nói chung, em cảm thấy mình học thế nào?** Có bốn sự lựa chọn: khá tốt (very well), hơi tốt (fairly well), chưa tốt lắm (not very well) và kém (badly). Câu hỏi này nhằm để các em tự đánh giá trình độ và sự cố gắng của mình, cũng như đánh giá tác động của giáo trình và cách giảng dạy đối với các em. Câu trả lời: khá tốt: 17%, hơi tốt: 54%, chưa tốt lắm: 26% và kém: 3%. Căn cứ vào dữ liệu này, ta thấy đa số các em cho mình có thể theo kịp chương trình. Nhưng một con số không nhỏ (26%+3%) cũng đáng chúng ta phải quan tâm. Có thể, đây là những em chưa học tiếng Anh nhiều ở các tỉnh. Hoặc đây có thể là các em giỏi, mà chương trình này quá dễ, chưa đủ để kích thích được sự hứng thú học tập của các em. Em Triều ở lớp 10 K34 nói: “Đây là hiện tượng ngòai nhảm lớp”. Hoặc em Dũng, sinh viên lớp 10 K 34 nói rằng trình độ của chúng em khác, còn trình độ mà giáo trình phục vụ thì khác. Vì vậy, bài học quá đơn giản gây ra nhảm chán.

Câu hỏi thứ năm (E): **Em cảm thấy bài học hấp dẫn (interesting)? Hấp dẫn vừa vừa (moderately interesting), dờ (boring) và khó (challenging)?** Nói chung, các em có ấn tượng tương đối tích cực với giáo trình và phương pháp giảng dạy. Câu trả lời là bài học hấp dẫn : 33% , hấp dẫn vừa vừa: 50%, dờ: 11% và khó: 6%

Câu hỏi thứ sáu (F): **Điều gì em muốn học nhiều hơn trong khóa học?** Câu trả lời là nghe (60%), phát âm (54%), học theo cặp, nhóm (40%), đọc (37%), writing (32%), từ vựng (31%), ngữ pháp 30%, học một mình (7%). Nghe là kỹ năng khó thành thạo nhất đối với người học ngoại ngữ. Vì để nghe được, người học phải biết nhận dạng xem từ nào đó được phát âm riêng lẻ thế nào, trong câu thì được phát âm thế nào, với ngữ điệu nào và trong ngữ cảnh nào.

Ngoài ra, người học còn phải biết văn hóa của người bản xứ. Và thật khó cho người học là nghe mà không được tiếp xúc trực tiếp với người nói, không thể căn cứ vào thái độ, cử chỉ của người nói mà đoán. Còn vấn đề phát âm cũng rất quan trọng với nhiều em (54%), các em phải biết chính xác cách phát âm của từng từ, từng câu. Đó là cơ sở, nền tảng để phát triển kỹ năng nghe và nói. Vấn đề quan trọng nữa là hoạt động theo cặp, nhóm. Điều này giúp các em phát triển kỹ năng nói trong khi cơ hội để tiếp xúc trực tiếp với người bản xứ đang chỉ là ước mơ. Các em có thể hoạt động cả ở trên lớp và ở nhà, và cho cả các bài tập khác. Chẳng hạn như tra từ mới cho lớp, một hoạt động khó khăn và tốn thời gian. Hoạt động một mình được các em đề cập ít nhất. Điều này chứng tỏ rằng, muốn học ngoại ngữ tốt thì học một mình không phải là giải pháp tốt cho nhiều người, mà chỉ tốt cho người có nghị lực rất lớn.

Các em cũng có nhu cầu luyện kỹ năng đọc nhiều hơn. Thực ra, bộ giáo trình này đã có rất nhiều bài luyện đọc rồi, chỉ cần các em siêng năng hơn thôi. Kỹ năng viết ít được sinh viên đề cập hơn cũng là do chính sách chấm điểm quá trình chủ yếu là kỹ năng nói. Nhưng giáo viên đã nhận thấy vấn đề này và đã tìm cách khắc phục rèn kỹ năng viết cho các em bằng cách khác. Chấm điểm làm bài tập về nhà trong cuốn Practice Book. Ở sau mỗi bài đều có phần luyện kỹ năng viết. Trong cuốn Course Book, cuối phần Case Study đều có phần yêu cầu các em viết một văn bản theo tình huống đã học. Ngoài ra, các em đã viết rất nhiều khi các em chuẩn bị thi nói. Vì để nói được, buộc lòng các em phải viết ra trước, rồi học cho dễ nhớ. Đây cũng có thể là một giải pháp cho thực trạng không đủ thời gian trên lớp.

Câu hỏi thứ bảy (G): **Phần nào trong giáo trình có ích nhất? Đánh dấu từ số 1 (quan trọng nhất) tới số 7 (ít quan trọng nhất).** Theo số liệu thống kê, thì cuốn Course Book được thiết kế tốt để phục vụ nhiều đối tượng và nhu cầu học khác nhau. Các số liệu không chênh lệch quá lớn. Con số nổi bật nhất là 33% cho rằng trong cuốn Course Book thì phần hữu ích nhất là Skill. Có lẽ đây là phần giúp các em nắm bắt được kỹ năng nói theo chủ đề. Các em được chuẩn bị rất tốt trước khi các em thực tập nói theo chủ đề của bài học. Các em được nghe một cuộc hội thoại mẫu. Sau đó giáo viên cho các em đọc lại để các em tiếp xúc nhiều hơn nữa với ngôn ngữ cần thiết cho chủ đề. Các mẫu câu phục vụ cho chủ đề của mỗi bài đều được nêu rõ trong mục Language Focus và được giáo viên bổ sung thêm để cho thêm phong phú. 40% cho rằng phần ít quan trọng nhất là Start-up. Có thể phần này quá đơn giản với những em khá.

Với cuốn Practice File, thì phần các em cho là hữu ích nhất là Talk business (50% em) . Điều này chứng tỏ rằng phần nghe này phục vụ tốt cho các em còn yếu về phát âm từng từ và câu riêng lẻ. Con số về phần ít quan trọng nhất không thể hiện được sự khác biệt: Vocabulary (19%), language review (24%), writing (25%), talk business (19%). Trong cuốn Practice Book thì phần Listening được nhiều em cho là quan trọng nhất (51%). Có thể phần này chuẩn bị phần nào cho các em có thể tham gia kỳ thi TOEIC sau này. Phần ít quan trọng nhất là Từ điền nhỏ sau mỗi bài (45%). Có thể tra từ điển là một việc khó khăn đối với những em này. Hoặc có thể là các em được tiếp cận với từ mới bằng cách khác sinh động hơn, chẳng hạn bằng hình ảnh trên màn hình vi tính.

Câu hỏi thứ tám (H): **Để tiếp thu được nhiều nhất từ khóa học, em cần phải cố gắng làm gì?** Câu trả lời là phải nghe nhiều hơn nữa (53%), nói nhiều hơn (44%), học từ vựng nhiều hơn (39%).

Câu hỏi cuối cùng: **Để làm cho khóa học tốt hơn nữa em có đề nghị gì?** Các em đề nghị nhiều điều, nhưng số liệu thống kê nổi bật nhất là cho các em nói nhiều hơn (31%), nghe nhiều hơn (30%), có trò chơi nhiều hơn và có nhiều hoạt động hấp dẫn hơn (12%), chẳng hạn như nghe các bài hát Tiếng Anh tổ chức thành trò chơi hoặc là các trò chơi trò chơi khác. 7% yêu cầu thay thế các thiết bị phục vụ giảng dạy. Đúng vậy, màn hình máy vi tính trên lớp rất cũ, chất lượng hình ảnh kém. Có phòng học (E203) thiết bị vi tính hơn một tháng mà vẫn chưa sửa chữa xong, làm cho việc dạy và học bị gián đoạn một phần. Một số máy cassette cũng đang cũ dần, rồi chất lượng đĩa dùng lâu ngày cũng làm ảnh hưởng không ít đến chất lượng bài giảng.

## **HẠN CHẾ**

Khảo sát này chỉ đề cập đến sinh viên do tôi giảng dạy và chỉ đề cập đến một số lượng sinh viên rất nhỏ, chưa đủ đại diện cho sinh viên của giai đoạn một ở trường Đại học Kinh Tế. Các con số có thể khác đi khi nghiên cứu trên diện rộng. Do đó, những kết luận rút ra có ý nghĩa với tôi nhiều hơn và chỉ có ý nghĩa tham khảo đối với các giáo viên khác.

## KẾT LUẬN

Từ những ý kiến trên đây của sinh viên, tôi nhận thấy rằng, khả năng nghe và nói của sinh viên giai đoạn một đã được cải thiện một phần. Đó là nhờ chủ trương của nhà trường và của Ban ngoại ngữ cho phép thực hiện kiểm tra cả bốn kỹ năng đối với sinh viên từ khóa K32 trở đi. Một phần nữa là do sự cố gắng rất lớn của giáo viên. Với một lượng thời gian 75 tiết, giáo viên vừa phải dạy đủ chương trình, vừa tổ chức cho sinh viên thi nói hai lần. Nhưng mới chỉ một hoặc hai học kỳ chưa đủ để các em nghe và nói tốt. Nên nhu cầu về nghe và nói rất cao. Trong khi đó thì thời gian trên lớp ngày càng hạn chế. Giải pháp cho vấn đề này có thể là ngoài chương trình trên lớp, nên cho thêm bài luyện nghe, nói và phát âm ở nhà. Cuối học kỳ sẽ kiểm tra hoặc chọn thời điểm kiểm tra cho phù hợp. Chẳng hạn, mỗi đợt, giáo viên gọi bất kỳ một số sinh viên nào đó để kiểm tra. Còn kỹ năng viết thì giáo viên có thể chọn lọc từ các bài trong giáo trình. Bài nào hay, phù hợp với trình độ và hoàn cảnh thực tế của sinh viên thì yêu cầu các em viết. Bài nào chưa hay thì giáo viên tìm hoặc ra đề cho các em. Với sinh viên các lớp trình độ sơ cấp thì các bài luyện kỹ năng đọc là đủ, chỉ cần hướng dẫn các em tự học nhiều hơn. Còn vấn đề luyện kỹ năng viết, như tôi đã đề cập trên, giáo viên nên chọn một số chủ đề hay và hợp lý rồi cho sinh viên về nhà làm. Tất nhiên là có hướng dẫn của giáo viên và tính phần này vào điểm quá trình cho sinh viên.

Ngoài việc chú ý đến luyện các kỹ năng, giáo viên cần chú ý đến không khí trong lớp học. Giờ học sẽ bớt căng thẳng hơn nếu giáo viên tổ chức các trò chơi đơn giản, ngắn gọn, không tốn nhiều thời gian chuẩn bị của giáo viên và thời gian của lớp học.

Một bài hát tiếng Anh được thiết kế thành trò chơi hay một bản nhạc có hình minh họa trên màn hình vi tính ở lớp chắc hẳn sẽ làm tăng thêm hứng thú học tập cho sinh viên của chúng ta. Để làm hài lòng và thỏa mãn nhu cầu học tập của sinh viên, nhất là sinh viên nhiều trình độ khác nhau cùng học một giáo trình và học trong lớp đông là một thách thức rất lớn đối với giáo viên. Nhưng vì những tiết học chất lượng cao, chúng ta vẫn còn phải cố gắng rất nhiều dù giáo trình chỉ là trình độ sơ cấp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bhola, H. S. 1990. *Evaluating "Literacy for development" projects, programs and campaigns: Evaluation planning, design and implementation, and utilization of evaluation results*. Hamburg, Germany: UNESCO Institute for Education; DSE [German Foundation for International Development]. xii, 306 pages.
2. Hutchinson, H. & Waters, A. (1986). *English for Specific Purposes*. Cambridge: Cambridge University Press.
3. Nunan, D. (1992). *Research Method in Language Learning*. Cambridge University Press.  
<http://learningandteaching.dal.ca/taguide/SummativeEval.html>

## PHỤ LỤC

### QUESTIONNAIRE

Dear Students,

The purpose of this material evaluation form is to get your opinion about the new teaching materials: Course Books, Practice File and Practice Book. The information you provide will be valuable for us to revise the materials and will be treated with utmost confidentiality. Please take the time to fill out every single item in the form.

Thank you for your co-operation.

A. What three things in the course did you find useful?

1. ....
2. ....
3. ....

B. What three things in the course did you not find useful?

1. ....
2. ....
3. ....

C. What three things would you like to study in more detail in the course?

1. ....
2. ....
3. ....

D.

On the whole, I feel I am learning	Very well	
	Fairly well	
	Not very well	
	badly	

E.

I find the lessons	Interesting	
	Moderately interesting	
	Boring	
	challenging	

F.

Things I would like to do more in the course	Pronunciation practice	
	Vocabulary	
	Grammar	
	Listening	
	Reading	
	Writing	
	Homework	
	Pair work or group work	
	Individual work	

G. Which part of the materials do you feel most useful? Tick from 1 (most important) to 7 (least important)

Course Book	Start up Vocabulary Reading Language focus Skills Case study writing	
Practice File	Vocabulary Language review Writing Talk business	
Practice Book	Listening Speaking Reading Writing Glossary	

H. In order to get most from the course, I need to try to:

.....  
 .....  
 .....

I. In order to make the course better, my suggestions are:

.....  
 .....  
 .....